

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/DS-ST

Ngày: 04/4/2024.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn Linh

Các hội thẩm nhân dân: + Bà Ngô Thị Luân

+ Bà Trần Thị Hằng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Trọng Thắng – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2023/TLST-DS ngày 24/10/2023 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: vợ chồng ông **Phạm Phương N**, sinh năm: 1992, bà **Phạm Thị Hồng T**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: ông **Nguyễn Cao K**.

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(ông N, bà Th có mặt, ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn vợ chồng ông **Phạm Phương N**, bà **Phạm Thị Hồng T** trình bày: vào ngày 31/12/2022 vợ chồng ông, bà có cho ông **Nguyễn Cao K** vay số tiền 700.000.000đồng, khi vay hai bên có viết giấy nhận nợ và thỏa thuận miệng lãi suất

là 1%/tháng, thời hạn trả nợ là một tháng kể từ ngày vay. Đến hạn trả nợ vợ chồng ông, bà đã nhiều lần yêu cầu ông K trả số tiền gốc là 700.000.000đồng và tiền lãi nhưng ông K không trả. Vì vậy, vợ chồng ông, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông K phải trả cho vợ chồng ông, bà tổng số tiền gốc là 700.000.000đồng và lãi là 80.000.000đồng. Tổng gốc và lãi là 780.000.000đồng. Ngoài ra vợ chồng ông, bà không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Cao K: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc; thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Cao K đều vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Phạm Phương N và bà Phạm Thị Hồng T.

Vụ án đã được Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc là 700.000.000đồng và lãi suất là 10%/năm từ thời điểm vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 04/4/2024 là 80.000.000đồng. Tổng gốc và lãi là 780.000.000đồng.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, của Hội đồng xét xử, sự chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng ông Phạm Phương N, bà Phạm Thị Hồng T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với ông Nguyễn Cao K. Buộc ông Nguyễn Cao K phải trả cho vợ chồng ông Phạm Phương N, bà Phạm Thị Hồng T số tiền vay gốc là 700.000.000đồng và tiền lãi suất là 80.000.000đồng. Tổng cả gốc và lãi là 780.000.000đồng. Về án phí: ông Nguyễn Cao K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ tài sản phải trả cho vợ chồng ông Phạm Phương N và bà Phạm Thị Hồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* bị đơn ông Nguyễn Cao K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227;

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Cao K theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: xuất phát từ việc vào ngày 31/12/2022 vợ chồng ông Phạm Phương N và bà Phạm Thị Hồng T cho rằng ông Nguyễn Cao K có vay của vợ chồng ông, bà số tiền là 700.000.000đồng, khi vay hai bên có xác lập giấy mượn tiền và thỏa thuận miệng lãi suất và thời hạn trả nợ. Quá trình vay ông K không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp và vợ chồng ông N, bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông K phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền gốc là 700.000.000đồng và lãi suất nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Qua xem xét lời khai của các đương sự, đối chiếu với chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy:

Theo nguyên đơn khởi kiện thì ông K có vay của vợ chồng ông, bà số tiền 700.000.000đồng. Nguyên đơn có xuất trình cho Tòa án giấy mượn tiền trong đó thể hiện nội dung: “Hôm nay ngày 31/12/2022 tại Tiên Lâm, Đông Thanh, Lâm Hà, Lâm Đồng anh Nguyễn Cao K,... vợ là Lê Thị Ánh Tuyết địa chỉ: Đông Anh, Đông Thanh, Lâm Hà, Lâm Đồng có vay của vợ chồng em Phạm Phương N và vợ Phạm Thị Hồng T; địa chỉ: Tiên Lâm, Đông Thanh, Lâm Hà, Lâm Đồng số tiền 700.000.000đồng...” có chữ ký của người vay là Nguyễn Cao K; như vậy bị đơn ông Nguyễn Cao K có vay của vợ chồng ông N, bà Th số tiền là 700.000.000đồng phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Trong giấy vay tiền ngày 31/12/2022 có nội dung thể hiện ông Nguyễn Cao K cùng vợ là Lê Thị Ánh Tuyết vay của vợ chồng ông N, bà Th 700.000.000đồng. Tuy nhiên, trong giấy vay tiền chỉ có một mình ông K ký người vay. Vợ chồng ông N, bà Th thừa nhận khi vay tiền một mình ông K đi vay và giấy vay tiền một mình ông K ký và nhận tiền không có vợ ông K là bà Tuyết đi cùng. Xét thấy, ông K có vay tiền của vợ chồng ông N, bà Th là có xảy ra trên thực tế, ông K có viết và ký vào giấy vay tiền với vợ chồng ông N, bà Th. Đến thời hạn trả nợ ông K không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông N, bà Th. Vì vậy, buộc ông K có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông N, bà Th số tiền trên là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án ông N, bà Th cho rằng khi vay hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 1%/tháng và thời hạn trả nợ là 1 tháng sau khi vay. Còn ông K từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu tính lãi của vợ chồng ông N, bà Th gửi đến Tòa án. Tại phiên tòa, vợ chồng ông N, bà Th yêu cầu ông K trả lãi theo mức lãi suất là 10%/năm. Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì thời điểm vợ chồng

ông N, bà Th yêu cầu tính lãi là ngày từ ngày 01/02/2023, thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 đang có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, các bên không xác định rõ lãi suất và tranh chấp về lãi suất nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 để tính tiền lãi cụ thể như sau đối với số tiền 700.000.000đồng tiền lãi từ ngày 01/02/2023 đến ngày xét xử là ngày 04/4/2024 là 14 tháng 03 ngày = $(700.000.000đ \times 10\%/12 \text{ tháng} \times 14 \text{ tháng}) + (700.000.000đ \times 10\%/12 \text{ tháng}/30 \text{ ngày} \times 03 \text{ ngày}) = 82.249.000đ$ ồng. Vợ chồng ông N, bà Th chỉ yêu cầu tính lãi với số tiền là 80.000.000đồng.

Từ những phân tích trên, có cơ sở buộc ông K phải trả cho vợ chồng ông N, bà Th số tiền lãi trên khoản vay 700.000.000đ là 80.000.000đồng. Tổng chung cả gốc lẫn lãi là 780.000.000đồng (Bảy trăm tám mươi triệu đồng).

[4] *Về án phí:*

Do yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông N, bà Th được chấp nhận nên cần buộc ông K phải chịu tiền án phí tương ứng nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông N, bà Th là $(20.000.000đ + (780.000.000đ - 400.000.000đ) \times 4\%) = 35.200.000đ$ ồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; ; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Phạm Phương N, bà Phạm Thị Hồng T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” ông Nguyễn Cao K.

Buộc ông Nguyễn Cao K phải trả cho vợ chồng ông Phạm Phương N, bà Phạm Thị Hồng T số tiền nợ gốc là 700.000.000đồng (*Bảy trăm triệu đồng*), và tiền lãi là 80.000.000đồng (*Tám mươi triệu đồng*). Cộng chung cả gốc và lãi là 780.000.000đồng (*Bảy trăm tám mươi triệu đồng*).

2. *Về nghĩa vụ thi hành án:* Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án

(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp luật có quy định khác.

3. *Về án phí*: Buộc ông Nguyễn Cao K phải chịu 35.200.000đồng (ba mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Phạm Phương N, bà Phạm Thị Hồng T 17.600.000đồng (*mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000199 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/4/2024), riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện Lâm Hà;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sơn Linh